TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 23 - 02 - 2023
V/v "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Sâm.

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Khôi

bà Nguyễn Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Thỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLPT- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2023/QĐPT- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Dương Thị B, sinh năm 1954;

Nơi ĐKHKTT: số nhà 61, đường HV, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ liên lạc: số nhà 28, đường N, phố KĐ, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: ông Đỗ Tiến C, sinh năm 1952;

Địa chỉ: số nhà 61, đường HV, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: số nhà 28, đường N, phố KĐ, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Dương Thị V, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Khu A, tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Chị Nguyễn Thị Thuận A, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà 24, phố KĐ, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Người kháng cáo: ông Đỗ Tiến C, là bị đơn.

Các đương sự bà B, ông C đều có mặt; chị H, chị A, bà V có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị B và ông Đỗ Tiến C có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường LVT, thị xã Ninh Bình (nay là UBND phường PT), thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình vào năm 1986, hiện giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Sau khi kết hôn ông bà chung sống ở khu tập thể của Viện quân y 5 Ninh Bình, đến năm 1992 tách tỉnh ông bà được Nhà nước chia đất, ông bà đã xây nhà tại phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình và ở từ đó cho đến nay. Hai ông bà có một con chung là chị Đỗ Thị Hồng H sinh năm 1986, hiện nay đã trưởng thành và lập gia đình. Trong quá trình chung sống bà luôn có trách nhiệm với gia đình nhà chồng tuy nhiên giữa bà và ông C không có sự hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, sự không hòa hợp đó khiến cho mối quan hệ vợ chồng ngày càng xa cách, không sự đồng cảm chia sẻ và thậm chí hai người không thể nói chuyện với nhau. Ông C có tính gia trưởng, thường xuyên chửi bới, đánh đập bà vô cớ, bà hoàn toàn giấu và nhẫn nhịn để hàng xóm không biết, nhưng như thế ông C càng lấn tới những cuộc cãi vã và chửi đánh bà sảy ra thường xuyên. Năm 1989 bà chửa ngoài tử cung phải cấp cứu nhưng cũng không nhận được sự quan tâm của ông C. Năm 2020 bà bị mắc bệnh hiểm nghèo ung thư buồng trứng, do bà còn phải trông cháu cho vợ chồng con gái nên bà có nói với ông C là để bà ở đây cho tiện đi Hà Nội để truyền hóa chất, cơ thể bà mệt mỏi nhưng cũng không nhận được lời động viên của ông C mà ngược lại chỉ nhận được những câu chỉ trích đau đầu. Cuối năm 2021, con gái bà (chị H) khi về nhà của bố mẹ bắt gặp người phụ nữ lạ đi từ trong nhà tắm đi ra thì hôm sau ông C đến nhà chị H đe đánh con gái, hung hăng chửi và đe đánh bà. Từ đó, ông C đã thay khóa để không cho bà và các con, cháu về nhà ông bà nữa. Ông C đã tháo dỡ những đồ dùng sinh hoạt như máy điều hòa và một số đồ dùng khác để lắp đặt tại căn nhà ở dưới quê xã YT, huyện Ý Yên. Nay bà xác định tình cảm của bà đối với ông C không còn, ông bà đã sống ly thân nhau, không thể tiếp tục chung sống cùng với ông C được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có một con chung là Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1986, hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Bà và ông C có ngôi nhà và đất tại số nhà 61, đường HV, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, tại thửa đất số 352, tờ bản đồ số 4, diện tích đất 77m^2 đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh

Bình) cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Đỗ Tiến C và bà Dương Thị B. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà là muốn được sở hữu sử dụng nhà đất nói trên, bà có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông C, vì hiện tại bà đang ở nhờ nhà vợ chồng chị H (con gái), không có chỗ ở nào khác. Còn ông C có chỗ ở tại quê nhà tại thôn ĐL, xã YT, huyện Ý Yên, Nam Định, ông C là con trưởng trong gia đình, bà là dâu trưởng nên hàng tháng ông bà đi về thắp hương cho gia tiên. Do ngôi nhà của bố mẹ ông C đã xuống cấp hỏng hóc, năm 2018 vợ chồng ông bà đã bỏ tiền, vay mượn và công sức để phá bỏ căn nhà cũ và xây dựng 01 ngôi nhà một tầng mái bằng khang trang để tiện sinh hoạt và đi về thờ phụng ông bà tổ tiên.

Để đảm bảo có chỗ ở ổn định và để chứng minh cho khả năng thực tế thi hành án, bà đã vay mượn anh em bạn bè để nộp số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) vào tài khoản tạm thu của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, mục đích sau này bà thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông C, như vậy quyền lợi của cả bà và ông C đều được đảm bảo.

Về công nợ: bà và ông C có vay nợ bà Dương Thị V (chị gái bà) 30.000.000 đồng vay vào tháng 8 năm 2018; vay chị Nguyễn Thị Thuận A 40.000.000 đồng vào ngày 10/9/2021. Khi vay chị A, bà có ký Hợp đồng vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Số tiền vay mục đích để làm nhà ở dưới quê ông C ở thôn ĐL, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để lấy chỗ đi về. Khi vay gia đình bà có thế chấp Giấy chứng nhận sử dụng đất của căn nhà số 61, đường HV, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình cho chị A. Ngày 19/5/2022, bà đã bỏ số tiền để trả cho chị A số tiền gốc 40.000.000đồng và tiền lãi 2.400.000đồng. Chị A đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số công nợ trên là 70.000.000 đồng, gồm 40.000.000 đồng tiền vay chị A (bà đã trả) và 30.000.000 đồng vay bà V, còn số tiền lãi 2.400.000đồng bà trả cho chị A bà không yêu cầu ông C phải thanh toán. Do bà đã trả số tiền cho chị A 40.000.000 đồng trong thời gian vợ chồng ông bà ly thân và bà nhận sẽ có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho bà V số tiền 30.000.000 đồng, nên ông C phải thanh toán cho bà số tiền 35.000.0000 đồng tiền chênh lệch công nợ.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Tiến C trình bày:

Về thời gian điều kiện kết hôn như bà B trình bày là đúng, ông và bà Dương Thị B có một con chung là chị Đỗ Thị Hồng H sinh năm 1986, hiện nay đã trưởng thành và đã lập gia đình. Trong quá trình bà B đi chăm cháu ngoại từ năm 2016 cho tới nay đã 5 năm, tuy chỗ con ở so với nhà mình không xa lắm nhưng bà B không về mà ở suốt với cháu ngoại. Ba năm nay bà B bị mắc bệnh nan y (ung thư), bản thân ông cũng đưa bà B đi Hà Nội để khám và điều trị bệnh cho tới nay bệnh của bà B cũng đã tiến triển rõ rệt, ông cũng đã mời bà B nhiều lần về nhà vợ chồng chăm sóc nhau nhưng bà B vẫn không về, ông có nóng và mắng bà B. Còn về quan hệ ngoài luồng thì ông không có chuyện ngoại tình trai trên gái dưới, nhìn chung mâu thuẫn vợ chồng không có gì đáng kể, ông không đồng ý ly hôn vì ông và bà B cũng

đã già, ông muốn vợ chồng đoàn tụ nắm tay nhau đi hết phần đường còn lại và ông xin hứa sẽ sống tốt hơn, chăm sóc bà B được chu đáo hơn và yêu cầu bà B phải về nhà để ông được chăm sóc bà B nhưng nay bà B vẫn quyết tâm dứt áo ra đi, ông thấy bà B thực sự đã cạn tình đối với ông một cách phũ phàng. Về phía người thân của bà B cũng đã chửi ông nhiều lần và đối xử với ông không tốt. Nên nay ông mặc cho bà B giải quyết ly hôn đơn phương theo ý của bà B, ông không níu kéo.

Về tài sản chung: ông C xác định ông và bà B có tài sản chung là ngôi nhà và đất tại số nhà 61, đường HV, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tại thửa 352, tờ bản đồ số 4 diện tích đất 77m^2 đã được UBND thị xã Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Đỗ Tiến C và bà Dương Thị B. Chị H ở chung trong hộ khẩu của gia đình ông từ nhỏ nhưng chị H không có đóng góp gì. Ngày 12/5/2022, Tòa án đã tổ chức định giá tài sản, giá trị nhà đất mà Hội đồng định giá là 2.790.382.062 đồng. Sau đó, Tòa án lại tổ chức thẩm định, định giá lại tài sản ông không đồng ý, nên ông mới cản trở không cho Hội đồng vào định giá. Ông có ý kiến để ông và bà B tự giải quyết về phần tài sản. Nếu bà B quyết tâm xin ly hôn và đòi chia tài sản thì ông sẽ lấy căn nhà và thanh toán 1/2 giá trị tài sản cho bà B, nhưng thời gian thanh toán phải từ 06 tháng đến 08 tháng, vì ông còn phải đi vay mượn anh em bạn bè và ông yêu cầu bà B phải đưa lại cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã già yếu, lại là thương binh ông thường xuyên vào bệnh viện để điều trị mỗi tháng từ 02 đến 03 lần do vết thương tái phát, ông không có lương hưu, hiện tại chỉ sống bằng tiền trợ cấp thương tật mỗi tháng là 1.613.000đồng/tháng, vậy nên ông muốn giữ căn nhà để ở. Nếu bà B ly hôn thì ông trở thành một ông già cô đơn không nơi nương tựa, không nhà cửa để ở vì con gái cũng vào hùa với mẹ và xa lánh ông. Bản thân ông không vi phạm pháp luật, trong gia đình ông cũng chưa gây chuyện gì để cho chính quyền địa phương phải can thiệp. Theo ông nghĩ, bà B làm đơn xin ly hôn chỉ vì mục đích chính là bà B bị bệnh ung thư nên bà B sợ lúc chết đi thì ông lấy vợ khác nên bà B và con gái không được hưởng gì ở căn nhà, nên bà B mới quyết tâm xin ly hôn và chia tài sản.

Về công nợ chung của vợ chồng: ông C xác định ông và bà B có vay nợ bà Dương Thị V (chị gái bà B) số tiền là 30.000.000 đồng, không có lãi, vay vào tháng 8 năm 2018 và vay của chị Nguyễn Thị Thuận A số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 10/9/2021. Bà B là người trực tiếp đi vay, khi vay tiền chị A, ông bà có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà số nhà 61, đường HV, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình. Mục đích vay các số tiền trên là để xây dựng căn nhà thờ dưới quê của ông tại thôn ĐL, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để sau này vợ chồng, con cháu lấy chỗ đi về. Tại buổi hòa giải của Tòa án, ông đã mang số tiền 35.000.000đồng (tương ứng là 1/2 số nợ của vợ chồng) đưa cho bà B để trả tiền cho chị A và yêu cầu bà B lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa lại cho ông nhưng bà B không chấp nhận. Ông đã đến nhà chị A để trả tiền cho chị A, nhưng bà B đã trả số tiền 40.000.000 đồng cho chị A và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà B đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà. Nay ông xác định phần công nợ của vợ chồng chỉ còn số tiền vay của bà V là

30.000.000 đồng. Ông đồng ý để bà B trực tiếp trả nợ cho bà V, ông có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền nợ là 15.000.000đồng.

Về căn nhà ở quê ông C tại thôn ĐL, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định có diện tích khoảng 70m^2 là do vợ chồng ông bà và anh em trong gia đình đóng góp xây dựng để thờ ông bà bố mẹ. Căn nhà trên có 03 gian để làm phòng thờ, 01 gian phòng ngủ khoảng 8m^2, bếp và công trình phụ khép kín. Ông là con trai trưởng trong gia đình nên hàng tháng ông và bà B vẫn đi về hương khói cho ông bà tổ tiên. Quan điểm của ông không đồng ý ly hôn, không đồng ý chia nhà cho bà B.

Chị Đỗ Thị Hồng H trình bày: chị là con gái duy nhất của bà Dương Thị B và ông Đỗ Tiến C, trong quá trình chung sống ông C thường có lời lẽ xúc phạm bà B cả khi bà B đang ốm đau bệnh trọng. Từ khi chị đủ tuổi nhận thức được không ít lần chị chứng kiến ông C đánh mắng bà B mặc dù chị có can ngăn ông đừng làm như thế. Sự việc gần đây nhất xảy ra là khi chị về nhà của ông bà, chị bắt gặp bố chị có đưa khách là một người phụ nữ về nhà trong lúc mẹ chị vắng nhà, chị đã yêu cầu người khách đó ra khỏi nhà. Sau đó, ông C đã lên nhà chị để chửi bới bà B. Chị không đồng tình với ông vì trong quan hệ vợ chồng, bố mẹ con cái cần có sự tôn trọng. Nay bà B có đơn ly hôn ông C thì đây là quyết định của mẹ chị, chị không can thiệp.

Về vấn đề tài sản: chị xác định bà B và ông C có tài sản chung là nhà đất tại số nhà 61, đường Hùng Vương, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, chị không có quyền lợi liên quan, chị không đóng góp tài sản cũng như công sức gì. Do bà B bị bệnh hiểm nghèo nhưng không nhận được sự sẻ chia, động viên chăm sóc từ ông C, ông C không cho bà B về căn nhà của ông bà, do đó bà B phải ở nhờ nhà vợ chồng chị. Quan điểm của chị nếu ông C và bà B ly hôn thì đề nghị Tòa án giao nhà đất cho bà B để đảm bảo bà B có chỗ ở ổn định và dưỡng bệnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị V trình bày: bà V là chị gái của bà Dương Thị B (bà B là vợ của ông Đỗ Tiến C). Vào khoảng tháng 8/2018 bà V không nhớ ngày, do bà B và ông C có xây dựng nhà thờ trên mảnh đất của bố mẹ của ông C tại thôn ĐL, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, bà B và ông C đã đến nhà bà V đặt vấn đề vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và hứa là tháng 10/2018 sẽ trả cho bà V. Do vậy đến ngày hôm sau bà V đã mang số tiền trên đến nhà ông C bà B và đưa trực tiếp số tiền 30.000.000 đồng cho ông C bà B vay. Khi cho vay số tiền trên thì 2 bên không viết giấy vay tiền vì là người trong gia đình. Đến nay bà B có đơn xin ly hôn ông C, bà V yêu cầu bà B và ông C có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà V, bà V không yêu cầu tính lãi. Bà V đề nghị Tòa án giải quyết giao cho bà B là người trực tiếp trả số tiền trên cho bà V. Do điều kiện sức khỏe bà V không đến Tòa án tham gia tố tụng được nên bà V đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thuận A trình bày: chị A là hàng xóm của chị Đỗ Thị Hồng H, ngày 10/9/2021 bà Dương Thị B (mẹ chị H) có nhu cầu vay tiền trả nợ cho việc xây dựng nhà nên bà B đã đến nhà chị đặt vấn

đề vay tiền. Chị A đồng ý cho bà B, ông C vay số tiền là 40.000.000 đồng, với lãi xuất 10%/năm. Bà B có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C bà B tại phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, bà B có ký giấy vay tiền. Ngày 19/5/2022, bà B đã trả cho chị A số tiền gốc là 40.000.0000 đồng và tiền lãi là 2.400.000đồng, chị A cũng đã trả lại cho bà B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C bà B. Đến nay bà B đã trả hết số nợ và chị A cũng đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, nên không còn nợ gì, chị A không có yêu cầu đề nghị gì nữa.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 27, 37, 56, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Dương Thị B được ly hôn ông Đỗ Tiến C. Quan hệ hôn nhân giữa bà B với ông C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chia tài sản chung: giao cho bà Dương Thị B được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà tại số nhà 61, đường Hùng Vương, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thuộc thửa đất 352, tờ bản đồ số 4, đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Đỗ Tiến C và bà Dương Thị B. Bà Dương Thị B có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho ông Đỗ Tiến C số tiền là 1.365.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

3. Về công nợ chung: bà Dương Thị B có trách nhiệm trả nợ cho bà Dương Thị V 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

Sau khi bà B thực hiện xong các nghĩa vụ thanh toán nói trên, bà B được quyền làm thủ tục sang tên nhà đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn, án phí chia tài sản, án phí thực hiện nghĩa vụ đối với người thứ ba cho bà Dương Thị B và ông Đỗ Tiến C.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 10 năm 2022 ông Đỗ Tiến C có đơn kháng cáo bản án số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho vợ chồng ông C bà B về đoàn tụ, ông C không nhất trí ly hôn, là do ông bà tuổi đã già, sống nốt quãng đời còn lại. Về

căn nhà, ông C mong muốn để hai vợ chồng cùng ở cho đến cuối đời, ông C không đồng ý để lại căn nhà là tài sản chung cho bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Dương Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Tiến C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông bà về đoàn tụ, ông C không đồng ý ly hôn, còn nếu bà B vẫn quyết tâm ly hôn, thì tài sản là căn nhà ông C đề nghị tòa để vợ chồng ông bà tự giải quyết, không nhờ tòa chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến C; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Tiến C không phải nộp do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông Đỗ Tiến C là bị đơn, có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của ông Đỗ Tiến C hợp lệ, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến C đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông C và bà B được về đoàn tụ. Lý do ông C không đồng ý ly hôn là do ông bà đã già để sống nốt quãng đời còn lại, về tài sản ông C không nhất trí để lại căn nhà là tài sản chung cho bà B.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Tiến C và bà Dương Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND phường LVT (nay là phường PT), thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình vào năm 1986 theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông C bà B đã sinh đươc một người con là chị Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1986 hiện nay đã trưởng thành lập gia đình. Quá trình chung sống giữa bà B và ông C thường xuyên sảy ra mâu thuẫn là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, luôn sảy ra bất đồng quan điểm. Bà B cho rằng khi bà B bị bệnh nan y ông C không quan tâm chăm sóc, chia sẻ với bà B, cuối năm 2021 ông

C có quan hệ ngoại tình đưa người phụ nữ lạ về nhà nên giữa ông bà lại tiếp tục sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Bà B xác định tình cảm giữa bà B và ông C thực sự không còn, đã từ lâu hai người sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Về phía ông C cũng khai nhận người nhà bà B cũng đã chửi ông nhiều lần có thái độ coi thường ông, ông C không muốn ly hôn, mong muốn được đoàn tụ, vì ông bà đã già.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống ông C và bà B thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, hiện tại ông bà sống ly thân mỗi người mỗi nơi không quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm giữa ông C và bà B vẫn không cải thiện hàn gắn được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân giữa bà B và ông C thực sự không còn, ông bà đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử bà Dương Thị B ly hôn ông Đỗ Tiến C là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2]. Về tài sản chung: ông C và bà B đều xác nhận ông bà có tài sản chung là nhà và đất tại số nhà 61, đường Hùng Vương, phố L, phường NB, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình thuộc thửa đất số 352, tờ bản đồ số 4, diện tích 77m^2 đã được UBND thị xã Ninh Bình (nay là thành phố Ninh Bình) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/2004 mang tên hộ ông Đỗ Tiến C và bà Dương Thị B, trên đất có nhà 3 tầng cùng công trình phụ khép kín đã được Tòa án xem xét thẩm định ngày 12/5/2022. Chị Đỗ Thị Hồng H có tên trong Hộ gia đình nhưng bà B, ông C và chị H đều xác định chị H không có đóng góp gì vào tài sản nhà đất trên, nên nhà đất trên là tài sản chung của ông C và bà B.

Do ông C cản trở không định giá được tài sản tranh chấp nên Tòa án sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT -TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tài chính, Bộ tư pháp hướng dẫn về việc định giá tài sản, thẩm định, định giá lại tài sản, Tòa án sơ thẩm xác định giá tài sản nhà đất đang tranh chấp theo giá mà đương sự đưa ra, bà B đưa ra giá nhà đất là 2.800.000.000 đồng để xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm ông C cho rằng với mức giá mà Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là rẻ so với giá thị trường, tuy nhiên ông C không đề nghị Tòa án định giá lại tài sản, mà để ông bà tự giải quyết phân chia. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C đưa ra mức giá tài sản nhà và đất là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), nguyện vọng ông C xin được sử dụng toàn bộ ngôi nhà đất và sẽ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà B là 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng), thời gian thanh toán từ 06 tháng đến 01 năm, nguồn tiền để thanh toán ông làm thêm nghề mộc có thu nhập và vay mượn anh em bạn bè để thanh toán cho bà B. Bà B không nhất trí yêu cầu của ông C đưa ra lý do đi làm nghề mộc và thời gian thanh toán tiền từ 06 tháng đến 01 năm, nếu ông C có nhu cầu sử dụng nhà đất thì thanh toán luôn số tiền cho bà B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện hoàn cảnh gia đình ông C và bà B đều là người cao tuổi, bà B hiện đang điều trị bệnh nan y (ung thư), còn ông C là thương binh nên nguyện vọng của bà B và ông C đều có nhu cầu sử dụng nhà đất khi ly hôn là chính đáng. Tuy nhiên ngôi nhà và diện tích đất trên không thể phân chia bằng hiện vật, mà chỉ giao nhà đất cho một người quản lý và sử dụng và sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho người kia. Quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông C đều xác định mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản chung của vợ chồng.

Căn cứ nhu cầu về chỗ ở của đương sự, hiện tại bà B ngoài căn nhà số 61 ở phường NB là tài sản chung của vợ chồng, bà B không còn chỗ ở nào khác, hiện bà B đang ở nhờ nhà vợ chồng con gái. Đối với ông C ngoài căn nhà số 61 ở phường NB là tài sản chung của vợ chồng, ông C vẫn còn có chỗ ở đi lại về quê là căn nhà tại thôn ĐL, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Năm 2018 vợ chồng ông C, bà B đã bỏ công sức và vay mượn tiền để sửa sang, xây dựng căn nhà trên đất của bố mẹ ông C để lại, trong đó có phòng thờ, phòng ngủ, bếp, công trình phụ khép kín để ông C bà B hàng tháng đi về sinh hoạt, nghỉ ngơi thắp hương cho gia tiên, do ông C là con trai trưởng trong gia đình. Hơn nữa việc thi hành án ông C cũng xác nhận ông không có lương hưu, cuộc sống của ông C chỉ sống bằng khoản lương trợ cấp thương tật của Nhà nước mỗi tháng là 1.613.000đồng/tháng. Còn bà B đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) vào tài khoản tạm thu của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, ủy nhiệm chi cho cơ quan Thi hành án, mục đích để sau này bà B thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông C.

Căn cứ vào điều kiện đảm bảo thi hành án trên thực tế Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà B được quyền sở hữu nhà và sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng, bà B có trách nhiệm thanh toán chênh lệch 1/2 giá trị tài sản là 1.400.000.000đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng) cho ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về công nợ chung: quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm ông C bà B đều xác định ông bà có vay của chị Nguyễn Thị Thuận A số tiền 40.000.000đ và vay bà Dương Thị V 30.000.000đồng, mục đích vay số tiền trên để xây dựng căn nhà ở quê ông C. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ngày 19/5/2022 bà B đã trả cho chị A số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 2.400.000đồng. Chị A đã xác nhận việc trả nợ của bà B, chị A không có yêu cầu gì nữa. Bà B đề nghị chia đôi số công nợ chung là 70.000.000 đồng (gồm 40.000.000đồng tiền gốc vay chị A mà bà B đã trả và 30.000.000 đồng vay của bà V chưa trả) và buộc ông C cùng phải chịu trách nhiệm mỗi người là 35.000.000 đồng, bà B không yêu cầu ông C phải chịu 1/2 số tiền lãi mà bà B đã trả cho chị A. Bà B và ông C thống nhất giao cho bà B sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà V.

Ông C xác định quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, ông C có đưa cho bà B số tiền là 35.000.0000 đồng tương ứng với 1/2 số nợ để bà B trả nợ và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ chị A về đưa cho ông C, nhưng bà B không nhận tiền, nay bà B đã trả số tiền cho chị A thì ông C xác định công nợ chung của vợ

chồng chỉ còn khoản vay bà V là 30.000.000 đồng. Do vậy, ông C chỉ có trách nhiệm thanh toán cho bà B số tiền là 15.000.000 đồng tiền chênh lệch về công nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về công nợ chung ông C và bà B đều xác nhận ông bà có vay nợ số tiền là 70.000.000 đồng (trong đó nợ bà V là 30.000.000 đồng và chị A là 40.000.000 đồng). Số tiền bà B đã trả nợ cho chị A là trong thời gian ông C, bà B sống ly thân, do vậy ông C cùng phải chịu trách nhiệm đối với 1/2 số nợ của số tiền 40.000.000 đồng vay của chị A mà bà B đã trả là phù hợp. Mặt khác, bà B, ông C đều thống nhất giao cho bà B đứng ra trả nợ trực tiếp cho bà V số tiền 30.000.0000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông C có trách nhiệm thanh toán 1/2 tổng số tiền nợ chung của vợ chồng, ông C thanh toán cho bà B số tiền là 35.000.000đồng (ba mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến C; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông C là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Đỗ Tiến C được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Tiến C.

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Tiến C được miễn án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 02 năm 2023).

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân TP Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP Ninh Bình;
- Phòng KTNVTHA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Sâm